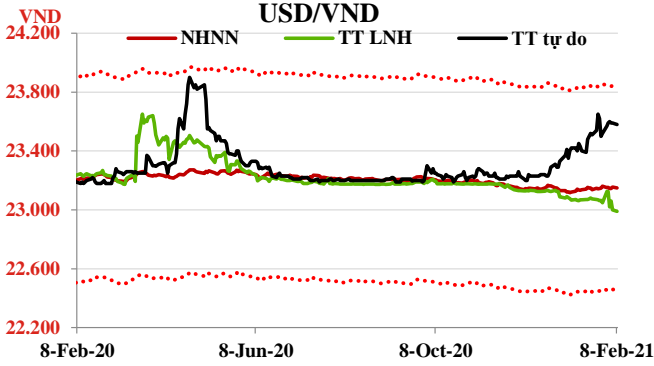


Tin trong nước ngày 08/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 08/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.149 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD, tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.793 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.965 VND/USD, giảm mạnh 34 đồng so với phiên 05/02. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 10 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.550 - 23.580 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày hôm qua, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,11 – 0,20 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giữ nguyên ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 2,20%; 1W 2,32%; 2W 2,36% và 1M 2,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm nhẹ 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,20%; 2W 0,27%, 1M 0,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng nhẹ ở kỳ hạn 10Y và không thay đổi ở kỳ hạn 15Y, cụ thể: 3Y 0,72%; 5Y 1,04%; 7Y 1,33%; 10Y 2,23%; 15Y 2,43%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên 08/02, NHNN chào thầu 12.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố, với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Các TCTD hấp thụ toàn bộ khối lượng này. Như vậy, NHNN bơm ròng 12.000 tỷ đồng ra thị trường trong phiên hôm qua, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố lên mức 36.096,7 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, sau nỗ lực hồi phục ở phiên sáng, thị trường chứng khoán sang phiên chiều chịu áp lực bán mạnh. Kết thúc phiên, VN-Index mất 43,73 điểm (-3,88%) xuống 1.083,18 điểm; HNX-Index giảm 3,08 điểm (-1,38%) xuống 220,76 điểm; UPCoM-Index giảm 1,24 điểm (-1,68%) xuống 72,65 điểm. Thanh khoản trên thị trường đạt mức rất cao với tổng trị giá giao dịch đạt gần 19.100 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng mạnh hơn 1.400 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, tổng thu NSNN tháng 01/2021 ước đạt 153,5 nghìn tỷ đồng (giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2020), bằng 11,4% dự toán của cả năm 2021.** Trong đó, thu nội địa ước đạt 131,55 nghìn tỷ đồng, bằng 11,6% dự toán, giảm 16,5% so cùng kỳ năm 2020; thu từ dầu thô ước đạt 2,45 nghìn tỷ đồng, bằng 10,6% dự toán, giảm 66,7% so với cùng kỳ, thu từ hoạt động XNK ước đạt 28 nghìn tỷ, bằng 8,9% dự toán. Tổng chi cân đối NSNN ước đạt 99,6 nghìn tỷ bằng 5,9% dự toán.


Lãi suất LNH
Trái phiếu

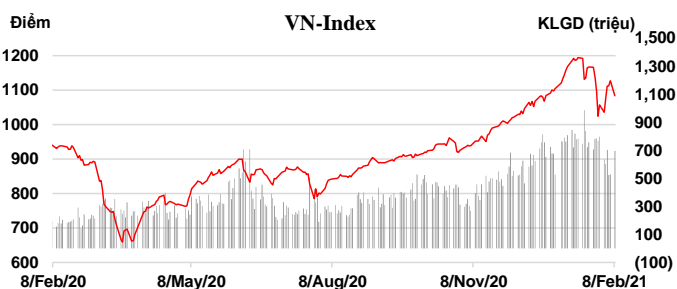
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.20	0.20	0.15	-0.01	3Y	0.72	-0.01
1W	2.32	0.14	0.20	-0.01	5Y	1.04	-0.03
2W	2.36	0.11	0.27	-0.01	7Y	1.33	-0.01
1M	2.20	0.00	0.36	-0.02	10Y	2.23	0.004
2M	2.08	0.03	0.46	-0.06	15Y	2.43	0.00
3M	2.12	0.04	0.64	-0.13			
6M	2.52	-0.08	0.83	-0.20			
9M	2.83	-0.25	1.05	-0.19			
1Y	3.25	-0.27	1.10	-0.20			

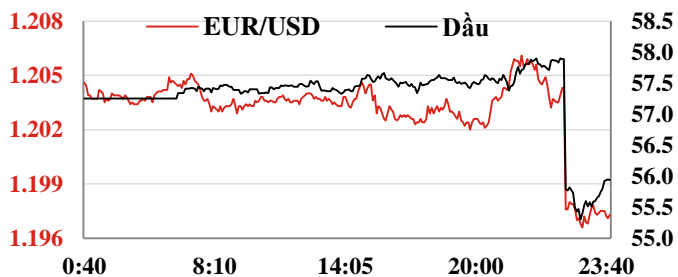
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

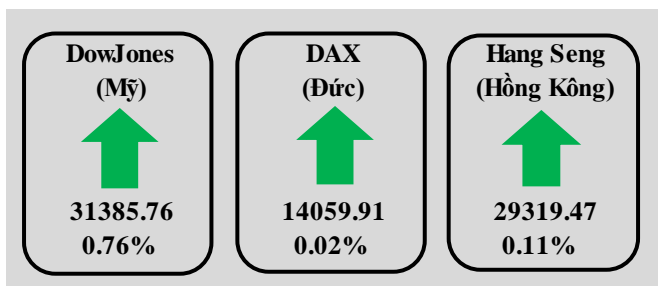
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
08-02-21	1	14	2.50	12,000	12,000.0	-	12,000.0	36,096.7
05-02-21	1	14	2.50	5,000	677.3	-	677.3	24,096.7
04-02-21	1	14	2.50	5,000	3,000.9	-	3,000.9	23,419.4

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1083.18	220.76	72.65
%/ngày	-3.88%	-1.38%	-1.68%
%31/12/2020	-1.87%	8.7%	-2.4%
KLGD (tr.d.vị)	696.60	122.14	45.5
GTGD (tỷ đ)	16562.89	1878.32	631.45
NĐINN mua (tỷ đ)	1324.90	41.73	0.63
NĐINN bán (tỷ đ)	2748.36	20.00	0.50





	8 Feb 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	90.93	-0.12%	-0.05%	1.11%
USD/CNY	6.44	-0.34%	-0.35%	-1.24%
USD/EUR	0.83	-0.05%	0.09%	1.37%
USD/JPY	105.22	-0.13%	0.30%	1.92%
USD/KRW	1115.61	-0.10%	-0.08%	2.87%
USD/SGD	1.33	-0.11%	0.02%	0.90%
USD/TWD	27.97	0.00%	-0.12%	-0.36%
USD/THB	29.97	-0.10%	-0.03%	-0.23%
USD/VND Trung tâm	23149	-0.02%	-0.01%	0.08%
USD/VND LNH	22965	-0.15%	-0.69%	-0.53%
USD/VND tự do	23550	-0.04%	0.13%	1.07%
Vàng	1830.16	1.02%	-1.61%	-3.50%
Dầu	57.97	1.97%	8.25%	19.48%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0813	-0.0016		
SW	0.0816	-0.0075		
1M	0.1205	0.0016	0.2500	0.0000
2M	0.1559	0.0003		
3M	0.1954	0.0045	0.4054	0.0000
6M	0.2075	0.0005	0.5927	0.0000
1Y	0.3064	0.0022	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 05/02/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	16/03/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	11/03/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	18/03/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	18/03/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	02/03/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

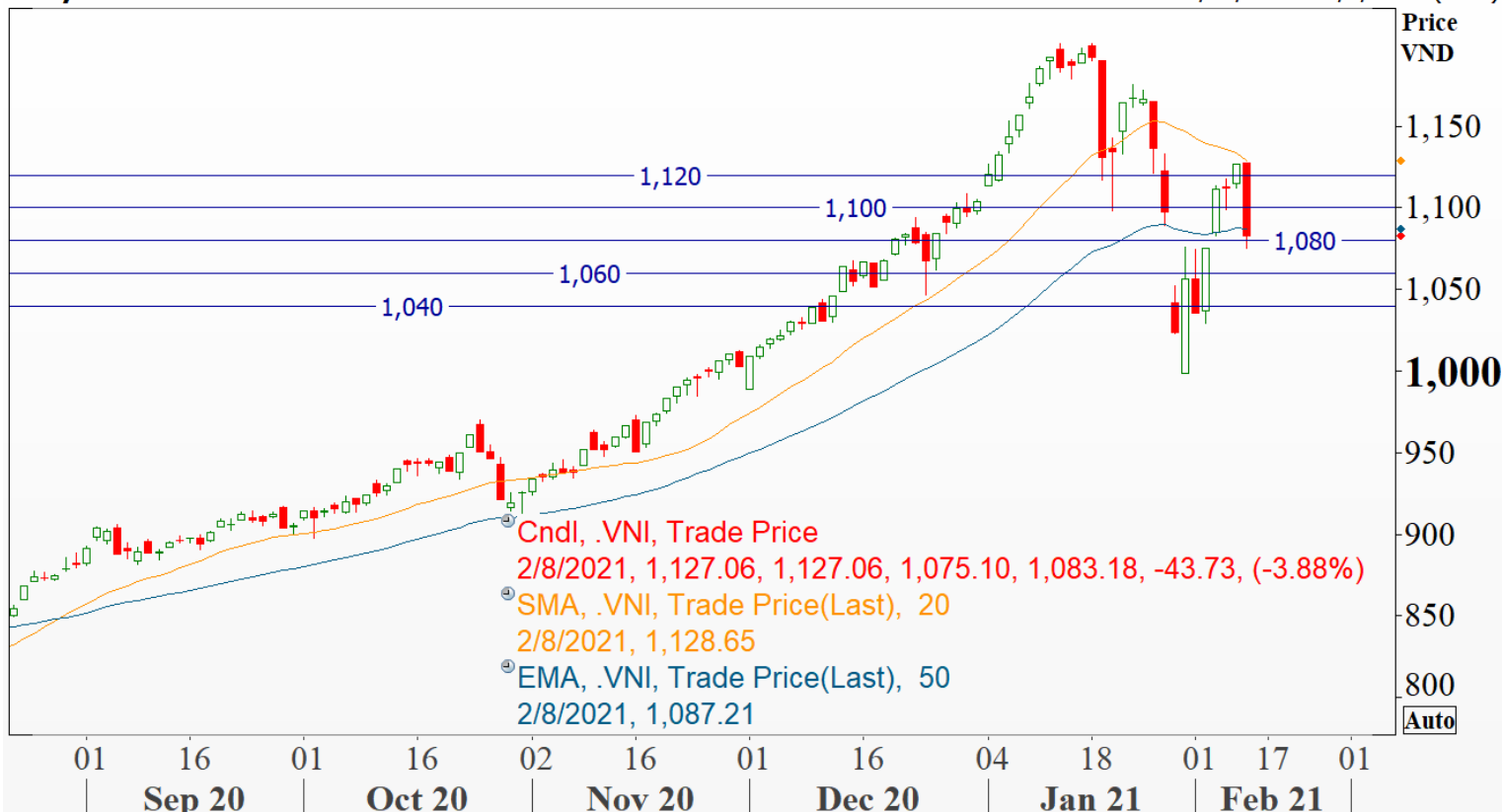
- Lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) Mỹ tăng trở lại theo kỳ vọng lạm phát.** Theo Reuters, lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm đã tăng khoảng 30 đpt kể từ đầu năm, hiện đang ở mức 1,20%; mức cao nhất kể từ tháng 03/2020 cho tới nay. Bên cạnh đó, lợi suất kỳ hạn 30 năm cũng chạm mức 2,0%; cao nhất kể từ 02/2020. Thế giới đang quan sát chặt chẽ đối với tỷ lệ lạm phát tại Mỹ, điều có thể ảnh hưởng tới các quyết định về lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed. CPI Mỹ tháng 12/2020 tăng 0,4% m/m, dữ liệu sơ bộ về CPI tháng 01/2021 sẽ được công bố vào tối thứ Tư ngày 10/02 theo giờ Việt Nam. Hãng Reuters dự báo CPI Mỹ sẽ tiếp tục tăng 0,3% m/m trong tháng vừa qua.
- Khu vực Eurozone đón thông tin kinh tế không mấy lạc quan.** Đầu tiên, hãng Sentix cho biết niềm tin đầu tư tại Eurozone trong tháng 02 giảm xuống mức -0,2 điểm từ mức 1,3 điểm của tháng 01, trái với dự báo sẽ tăng mạnh lên mức 4,1 điểm. Các chuyên gia nhận định quá trình phong tỏa đang gây ảnh hưởng tiêu cực lên nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau. Tiếp theo, Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết sản lượng công nghiệp của nước này đi ngang trong tháng 12/2020 (0,0% m/m) sau khi tăng 1,5% ở tháng trước đó, gần khớp với dự báo chỉ tăng 0,1%. Đây không phải là con số tích cực, song nhiều ý kiến cho rằng sản lượng công nghiệp Đức không tăng trong tháng 12 do tính chất mùa vụ, trong bối cảnh nước Đức có kỳ nghỉ lễ Giáng sinh kéo dài nhiều ngày.
- Nhật Bản đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Về tích cực, cán cân vãng lai của quốc gia này thặng dư 2,28 nghìn tỷ JPY trong tháng 12/2020, thấp hơn mức thặng dư 2,34 nghìn tỷ của tháng 11, nhưng vượt mức thặng dư 2,21 nghìn tỷ theo dự báo. Về thông tin tiêu cực, giá trị tín dụng của các ngân hàng tại Nhật Bản (đối với các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân) trong tháng 12/2020 tăng 6,1% y/y, thấp hơn mức tăng 6,2% của tháng trước đó và đồng thời thấp hơn mức tăng 6,3% theo kỳ vọng.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
08-02	6:50	*	Cán cân vãng lai Nhật Bản T12	2.28T	2.21T	2.34T
08-02	14:00	*	Sản lượng công nghiệp Đức mm T12	0.0	0.1	1.5
08-02	16:30	*	Niềm tin đầu tư Sentix Eurozone T02	-0.2	4.1	1.3
09-02	6:30	*	Thu nhập bình quân Nhật Bản yy T12		-4.7	-1.8
09-02	14:00	*	Cán cân thương mại Đức T12		14.2B	16.4B

VN-INDEX

Daily .VNI

8/21/2020 - 3/5/2021 (HAN)



VN-Index giảm mạnh xuống mức 1.083,18 điểm. Hình nến đỏ đã kéo dài xuống dưới các đường trung bình trung và ngắn hạn SMA50 và SMA20, nhiều khả năng VN-Index tiếp tục giảm trong phiên hôm nay.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.060 – 1.040

Ngưỡng kháng cự: 1.100 – 1.120

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn